

Số: 80 /KH-UBND

Thanh Trị, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện Thanh Trị**

Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 02/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020-2025;

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thanh Trị ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện Thanh Trị, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết số 188/NQHĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Cụ thể hóa Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 02/4/2021 của UBND huyện Thanh Trị về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020-2025.

Đẩy mạnh chuyển giao khoa học kỹ thuật tiên bộ, công nghệ mới vào sản xuất nông, ngư nghiệp, phi nông nghiệp trên cơ sở xác định nhu cầu của nông dân ở mỗi địa phương để lựa chọn lĩnh vực cần chuyển giao nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị phù hợp từng loại hình và từng lao động có nhu cầu. Ưu tiên cho những mô hình sau học nghề làm ăn có hiệu quả để nhân rộng trong huyện.

### **2. Yêu cầu**

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng, chất lượng cao; phát triển nguồn lao động có kỹ năng nghề phục vụ quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện trong thời gian tới. Công tác tuyển sinh, đào



tạo phải đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, giúp người lao động áp dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông hộ, thích ứng biến đổi khí hậu; thực hiện lộ trình phát triển một số ngành, nghề đào tạo đạt chất lượng cấp độ quốc gia.

## **II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ sơ cấp và đào tạo ngắn hạn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện; nâng cao kiến thức nghề, kỹ năng nghề cho người lao động đáp ứng nhu cầu các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài huyện gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. Góp phần chuyển dịch cơ cấu nguồn lao động phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Đồng thời, cải thiện và nâng cao chỉ số về đào tạo lao động, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện.

Củng cố, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; tập trung đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

### **2. Chỉ tiêu cụ thể**

Tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng, kèm cặp nghề nghiệp cho 1.866 người (kể cả đào tạo nghề tư nhân). Trong đó: đào tạo trình độ sơ cấp 210 người và đào tạo thường xuyên (dưới 3 tháng) 1.656 người. *(Đính kèm Phụ lục 1)*

Đào tạo nghề từ ngân sách nhà nước được xác định rõ địa chỉ, vị trí nghề nghiệp cần đào tạo, sau đào tạo nghề 100% có việc làm.

Phấn đấu đến cuối năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, đào tạo nghề đạt 64%. Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 29%.

### **3. Phạm vi thực hiện, đối tượng áp dụng**

a. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn huyện Thanh Trì.

b. Đối tượng áp dụng:

Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn, sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động thuộc các đối tượng: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ; ngư dân; người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động trên địa bàn huyện Thanh Trì.



#### **4. Ngành, nghề đào tạo**

a. Ngành, nghề đào tạo được xác định căn cứ vào nhu cầu chuyển dịch lao động theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các văn bản có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu, yêu cầu thực tế sử dụng lao động của công ty, doanh nghiệp, người lao động trực tiếp sản xuất để tổ chức đào tạo nghề. (Đảm bảo theo danh mục nghề được UBND tỉnh phê duyệt).

b. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp: được thực hiện theo các quy định hiện hành.

#### **5. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện**

a. Công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh:

Tổ chức tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong giáo dục nghề nghiệp; đặc biệt là các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

Phát huy hình thức tuyển sinh trực tiếp, đẩy mạnh và đa dạng các kênh tư vấn tuyển sinh, đặc biệt là cần ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp.

b. Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Phát triển chương trình, tài liệu học tập, giáo trình, ngành, nghề đào tạo: Thường xuyên, định kỳ điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng đáp ứng chất lượng đầu ra theo yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị sử dụng lao động. Đặc biệt là nhu cầu, yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong huyện.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo: rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ đào tạo tại đơn vị, đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của huyện.

Phát triển đội ngũ công chức, viên chức quản lý và đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp (huyện, xã, thị trấn); nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện.

c. Thực hiện các chính sách trong giáo dục nghề nghiệp:

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp như: chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ dưới 3 tháng; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình



nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đặc biệt khó khăn,...

Đa dạng hóa nguồn lực trong giáo dục nghề nghiệp theo mô hình tổng hợp, bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn lực của các nhà đầu tư; nguồn vốn huy động tài trợ trong và ngoài nước; nguồn lực tự có của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đóng góp của người học nghề, người sử dụng lao động và các nguồn khác; hướng đến thực hiện lộ trình tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong thời gian tới.

d. Tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm sau đào tạo:

Tổ chức đào tạo theo đúng quy mô tuyển sinh của từng ngành, nghề đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo trang bị kiến thức chuyên môn nghề làm nền tảng, hình thành kỹ năng thực hành nghề theo hướng tự chủ, sáng tạo, sát với thực tiễn sản xuất.

Chú trọng các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm cho người lao động. Đặc biệt là, lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, học sinh, sinh viên và người lao động sau đào tạo. Khai thác có hiệu quả sản phẩm dịch vụ làm tỉnh, Cổng thông tin điện tử “Người tìm việc - Việc tìm người” của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh để tạo cầu nối cho người lao động với doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp một cách bền vững, hiệu quả.

## **6. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện Thạnh Trị dự kiến là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó: (Đính kèm Phụ lục 2)

- Kinh phí thuộc ngân sách tỉnh là 550.000.000 đồng.
- Nguồn kinh phí khác (xã hội hóa) dự kiến là 300.000.000 đồng.

Ngoài nguồn kinh phí nêu trên, kinh phí thực hiện phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 được lồng ghép từ nguồn kinh phí của các chương trình, dự án, đề án khác (nếu có).

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này một cách đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và điều kiện kinh tế của từng hộ gia đình; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện và các ngành có liên quan theo dõi đào tạo nghề cho lao động ở các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ có



kèm cặp truyền nghề; Định hướng cho các cơ sở này liên kết với Trung tâm GDNN-GDTX huyện tổ chức đào tạo nghề, cấp chứng chỉ đào tạo, giải quyết việc làm theo quy định hoặc hướng dẫn những cơ sở này đến đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trình độ dưới 3 tháng tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Dân tộc lựa chọn các cơ sở có đủ điều kiện đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn huyện theo quy định, trình UBND huyện.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện xây dựng và trình UBND huyện kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp hàng năm; triển khai thực hiện các chương trình, dự án có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác giáo dục nghề nghiệp và việc làm trên địa bàn huyện.

Rà soát, thống kê nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo, nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động đang làm việc trong các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ để làm cầu nối cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện phối hợp ký hợp đồng hỗ trợ đào tạo nghề và cung ứng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

Định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng, năm tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

## **2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện và trực tiếp theo dõi công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp của từng xã, thị trấn.

Cung cấp thông tin về định hướng, các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của huyện và hướng dẫn xã, thị trấn xác định nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn từng xã, thị trấn.

Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tổ chức nhân rộng mô hình giáo dục nghề nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong ngành nông nghiệp.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện triển khai thực hiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp; dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho lao động trong nông nghiệp; chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho người lao động theo nhu cầu định hướng phát triển ngành nông nghiệp; hướng dẫn xây dựng danh mục ngành, nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện xây dựng mô hình đào tạo nghề phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông thôn



mới nâng cao; ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến... liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; nghề về quản trị trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

### **3. Phòng Nội vụ**

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo về giáo dục nghề nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các cơ quan có liên quan hướng dẫn UBND các xã, thị trấn bố trí biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

### **4. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo các trường trung học cơ sở đổi mới chương trình, nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm giáo dục cho học sinh kiến thức, kỹ năng, hình thành thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp, việc làm và con đường tiến tới thành công; từ đó, giúp học sinh chủ động lựa chọn ngành, nghề học, hình thức học sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông.

Chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác rà soát, thống kê số lượng học sinh ở các xã, thị trấn đã tốt nghiệp trung học cơ sở, không trúng tuyển vào lớp 10; trên cơ sở đó, giao chỉ tiêu, tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn cho học sinh tham gia học nghề và học văn hóa tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện.

### **5. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí đối với nguồn vốn sự nghiệp. Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm GDNN-GDTX huyện tham mưu UBND huyện phân khai vốn sự nghiệp thực hiện Kế hoạch này.

Đề xuất, bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm để thực hiện kế hoạch. Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

### **6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

Tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho người lao động, đặc biệt là lao động khu vực nông thôn.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện gắn kết các hoạt động chuyên môn có liên quan với hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP của huyện, tỉnh.

### **7. Phòng Văn hóa và Thông tin**



Chủ trì, phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Dân tộc, tổ chức thực hiện chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động trên các phương tiện thông tin ở địa phương; cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo nghề có đủ điều kiện, các nghề đào tạo, các mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả để lao động biết và lựa chọn.

### **8. Trung tâm GDNN-GDTX huyện**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan và các xã, thị trấn tổ chức đào tạo nghề cho lao động.

Xây dựng kế hoạch chi tiết theo xã, thị trấn đã đăng ký ngành nghề phù hợp của lao động tại địa phương theo nhu cầu học nghề của lao động; tổ chức triển khai lồng ghép công tác đào tạo nghề với các chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn huyện.

Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo nghề đã được phê duyệt. Tổ chức kiểm tra, công nhận tốt nghiệp đối với người học nghề trình độ sơ cấp nghề theo đúng Thông tư, Hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phối hợp với Phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh liên kết với các doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển lao động để ký hợp đồng cung ứng lao động.

Trong công tác đào tạo nghề phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Đặc biệt, quan tâm liên kết với Công ty, xí nghiệp trong đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động sau học nghề. Phân đầu lao động sau học nghề phải có việc làm 100%.

### **9. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện**

Thực hiện cho vay đối với người lao động tham gia học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định; cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau đào tạo nghề để khởi nghiệp và giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Cựu Chiến binh huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Huyện Đoàn, Hội Nông dân huyện**

Tổ chức tuyên truyền các chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, việc làm; vận động các đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, tìm việc làm; tổ chức tư vấn miễn phí về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, việc thành lập doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ...

Tổ chức giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề theo kế hoạch; chỉ đạo, hướng dẫn các Hội, đoàn thể cấp huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này tại địa phương.

### **11. Phòng Dân tộc**

Rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng chất lượng người lao động, nhu cầu



học nghề, nhu cầu việc làm của người dân tộc thiểu số trên địa bàn quản lý. Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm GDNN-GDTX huyện tổ chức đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm theo nhu cầu và gắn với việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho người lao động vùng dân tộc thiểu số.

Phối hợp với các ban, phòng, ngành có liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề và việc làm sau khi đào tạo nghề nghiệp đối với người dân tộc thiểu số.

## **12. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

Chỉ đạo cán bộ chuyên môn, phối hợp các hội đoàn thể địa phương thực hiện tốt việc khảo sát, thống kê nhu cầu học nghề của người lao động đề nghị Trung tâm GDNN-GDTX huyện mở lớp, chú ý chọn lớp học nghề phải phù hợp với nhu cầu của người lao động, kết hợp với đào tạo nghề và giải quyết việc làm sau học nghề đạt hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện gắn hoạt động đào tạo nghề với chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thống kê các đối tượng: Người trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo nghề nghiệp, chưa qua đào tạo nghề, người lao động có nhu cầu học nghề có sức khỏe, trình độ học vấn, có năng khiếu phù hợp với nghề cần học. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người thuộc đối tượng: Người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, lao động nữ, ngư dân, người thi hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy; người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa; người lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư và các chính sách xã hội khác để xem xét xác nhận đối tượng khi người lao động đăng ký học nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định; đồng thời, trên cơ sở đó tính tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ của địa phương quản lý.

Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm GDNN-GDTX huyện kiểm tra các lớp đào tạo nghề (kiểm tra ít nhất mỗi lớp một lần); định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm GDNN-GDTX huyện để tổng hợp báo cáo UBND huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Cập nhật lao động sau học nghề có nhu cầu việc làm trong và ngoài nước giới thiệu lên Trung tâm GDNN-GDTX huyện tư vấn, giới thiệu việc làm.



Thường xuyên cập nhật thông tin lao động chặt chẽ trên địa bàn các xã, thị trấn về tình hình lao động có việc làm, chưa có việc làm và những mô hình làm ăn có hiệu quả sau học nghề để báo cáo về huyện kịp thời nhân rộng trong huyện.

**13.** Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan định kỳ 6 tháng (ngày 15 tháng 5), năm (ngày 15 tháng 11) tổng hợp tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn báo cáo gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND huyện.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện Thanh Trì./.

**Nơi nhận:**

- Sở LĐTBXH (báo cáo);
- Các ban, ngành, đoàn thể có liên quan tại Mục III;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VP (VT-NG)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Ngân**





**CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND ngày 25/04/2023 của UBND huyện Thanh Trì)

| STT              | Đơn vị            | Chỉ tiêu (người) |            |                                           |
|------------------|-------------------|------------------|------------|-------------------------------------------|
|                  |                   | Tổng             | Sơ cấp     | Đào tạo nghề thường xuyên (dưới 03 tháng) |
| 1                | Thị trấn Phú Lộc  | 185              | 25         | 160                                       |
| 2                | Thị trấn Hưng Lợi | 180              | 20         | 160                                       |
| 3                | Xã Châu Hưng      | 190              | 20         | 170                                       |
| 4                | Xã Vĩnh Lợi       | 195              | 20         | 175                                       |
| 5                | Xã Vĩnh Thành     | 180              | 20         | 160                                       |
| 6                | Xã Thanh Trì      | 186              | 20         | 166                                       |
| 7                | Xã Thanh Tân      | 200              | 25         | 175                                       |
| 8                | Xã Lâm Tân        | 180              | 20         | 160                                       |
| 9                | Xã Lâm Kiết       | 180              | 20         | 160                                       |
| 10               | Xã Tuân Tức       | 190              | 20         | 170                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>1.866</b>     | <b>210</b> | <b>1.656</b>                              |



**KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 5/04/2023 của UBND huyện Thanh Trì)

| STT       | Đơn vị                                     | Kinh phí thực hiện (đồng) |                    |                    |
|-----------|--------------------------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------|
|           |                                            | Tổng                      | Ngân sách tỉnh     | Xã hội hoá         |
| <b>I</b>  | <b>Xã, thị trấn</b>                        |                           |                    |                    |
| 1         | Thị trấn Phú Lộc                           | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 2         | Thị trấn Hưng Lợi                          | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 3         | Xã Châu Hưng                               | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 4         | Xã Vĩnh Lợi                                | 60.000.000                | 60.000.000         |                    |
| 5         | Xã Vĩnh Thành                              | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 6         | Xã Thanh Trì                               | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 7         | Xã Thanh Tân                               | 80.000.000                | 80.000.000         |                    |
| 8         | Xã Lâm Tân                                 | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 9         | Xã Lâm Kiệt                                | 50.000.000                | 50.000.000         |                    |
| 10        | Xã Tuân Tức                                | 60.000.000                | 60.000.000         |                    |
| <b>II</b> | <b>Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác</b> | 300.000.000               |                    | 300.000.000        |
|           | <b>Tổng cộng</b>                           | <b>850.000.000</b>        | <b>550.000.000</b> | <b>300.000.000</b> |